

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



LÊ SỸ ĐỒNG

THƠ VĂN CHỮ HÁN VỀ ĐỀ TÀI PHẬT GIÁO CỦA CÁC NHÀ
NHO THỜI LÊ - NGUYỄN: ĐIỆN MẠO VÀ THÀNH TỰU

Mã ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 9220121

TÓM TẮTLUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, năm 2025

Công trình được hoàn thành tại:
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

□ □ □

Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. NGUYỄN CÔNG LÝ

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào lúc giờ ngày tháng năm 202..

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Đại học quốc gia TP. HCM.
- Thư viện Trường Đại học KHXH & NV, TP. HCM.
- Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

DẪN NHẬP

1. Lí do chọn đề tài

Trong văn học viết Việt Nam thời trung đại, thơ văn chữ Hán là một bộ phận quan trọng. Do vậy, việc nghiên cứu tổng thể, toàn diện bộ phận văn học này từ lâu đã được các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Và tương như, những nét nổi bật về nội dung và nghệ thuật của thơ văn chữ Hán đã được chỉ ra, làm sáng tỏ. Tuy nhiên, những năm gần đây, với việc áp dụng các lí thuyết mới, cùng cách tiếp cận liên ngành đã mở ra nhiều vấn đề liên quan đến bộ phận văn học này; trong đó vấn đề về sự ảnh hưởng của Phật giáo đến sáng tác văn học của các nhà nho đã và đang được giới nghiên cứu đặc biệt chú ý. Do đó, việc nghiên cứu về đề tài Phật giáo trong văn học không chỉ mang ý nghĩa lí luận mà còn mang ý nghĩa thực tiễn vô cùng to lớn.

Mặt khác, nội dung thơ văn viết về đề tài Phật giáo lại không chỉ nhằm tuyên truyền về tư tưởng Phật giáo, mà nó còn góp phần không nhỏ vào sự đa dạng trong tiến trình hình thành các kiểu loại tác giả văn học. Điều đó cho thấy, nội dung thơ văn viết về đề tài Phật giáo góp thêm việc khắc họa bức chân dung của các nhà nho trước dẫu bề cuộc đời. Điều này đồng nghĩa với việc, các tác phẩm văn học viết về đề tài Phật giáo đã cho người đọc hình dung được cách ứng xử của con người thời bấy giờ qua các mối quan hệ đời sống cũng như những xung đột trong ý thức hệ tư tưởng trước thời đại đầy biến động và rối ren. Dù vậy, cho đến nay, những công trình nghiên cứu về thơ văn chữ Hán viết về đề tài Phật giáo vẫn chưa chỉ ra triệt để những đóng góp mà mảng văn học này đem lại cho nền văn học dân tộc. Có chăng, ở một số công trình chuyên khảo của các nhà nghiên cứu chuyên về văn học trung đại như của Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Đăng Na, Nguyễn Công Lý, Đoàn Lê Giang, Đoàn Thị Thu Vân ... đã phân tích khá đầy đủ về diện mạo, giá trị, tư tưởng thơ văn đề tài Phật giáo thời trung đại ở giai đoạn Lý - Trần; và gần đây có thêm công trình của Nguyễn Công Lý, Nguyễn Thị Việt Hằng nghiên cứu bổ sung thêm về văn học Phật giáo thế kỷ XV đến hết

XIX. Và như vậy, thơ văn đề tài Phật giáo ở giai đoạn Lê - Nguyễn vẫn còn rất nhiều vấn đề đang bị bỏ ngỏ. Ý thức được điều này, chúng tôi quyết định chọn nghiên cứu đề tài *Thơ văn chữ Hán về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn: diện mạo và thành tựu*, với hy vọng bổ khuyết phần nào những khoảng trống trong các công trình trên.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Như tên đề tài đã xác định, đối tượng nghiên cứu của luận án là diện mạo, nội dung và nghệ thuật thơ văn chữ Hán về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn. Để tạo cơ sở cho việc nghiên cứu, chúng tôi thực hiện tìm hiểu bối cảnh lịch sử, văn hóa, tư tưởng Phật giáo đời Lê - Nguyễn. Để khái quát diện mạo của thơ văn chữ Hán của các nhà Nho thời Lê - Nguyễn viết về đề tài Phật giáo, chúng tôi khảo sát hệ thống tác giả, hệ thống đề tài, thể loại. Để làm rõ thành tựu ở khía cạnh nội dung tư tưởng, hình thức nghệ thuật, một mặt, chúng tôi đi sâu tìm hiểu các vấn đề cơ bản về việc tiếp nhận tư tưởng Phật giáo qua góc nhìn bản thể luận Phật giáo trong các tác phẩm; cũng từ khảo các tác phẩm văn học này, chúng tôi tìm hiểu thái độ và cách ứng xử của các nhà nho với Phật giáo; mặt khác, chúng tôi khảo cứu những giá trị nghệ thuật về mặt văn thể như cách sử dụng ngôn ngữ.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu là tất cả các tác phẩm bằng chữ Hán của các nhà nho viết về đề tài Phật giáo thời Lê - Nguyễn trong *Tổng tập văn học Việt Nam*: Từ tập 4 đến tập 16. NXB Khoa học Xã hội, năm 2000; và trong các tổng tập, tuyển tập, biệt tập về các tác giả như: Nguyễn Trãi; Nguyễn Bình Khiêm; Ngô Thì Nhậm; Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định; Phan Huy Ích, Thái Thuận, Đoàn Nguyễn Tuấn, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Phan Thanh Giản, Phùng Khắc Khoan, Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Hành, Nguyễn Nghiễm; Phạm Quý Thích, Vũ Trinh, Nguyễn Đề, Lê Quý Đôn, Trương Quốc Dụng, Lê Hữu Trác, Phan Thúc Trục, Nguyễn Hàm Ninh, Đỗ Lễnh Thiện.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Trước hết, chúng tôi đi từ việc khái quát bối cảnh xã hội, Phật giáo thời Lê – Nguyễn để làm rõ những yếu tố tác động đến nội dung, tư tưởng trong các tác phẩm văn học;
- Thứ hai, luận án hướng đến việc khái quát những đặc điểm thơ văn chữ Hán viết về đề tài Phật giáo ở các khía cạnh: tác giả, thể loại, đề tài;
- Thứ ba, luận án làm rõ tiến trình tiếp nhận tư tưởng Phật giáo của các nhà nho và biểu hiện của nó qua thơ văn với các nội dung như thái độ, tư tưởng, cảm tình, hành vi của nhà nho với Phật giáo;
- Cuối cùng, luận án sẽ làm rõ những giá trị nghệ thuật tiêu biểu như cách dùng thi văn liệu, cách diễn đạt cũng như ngôn ngữ nói chung của văn học chữ Hán viết về đề tài Phật giáo giai đoạn này.

Với những mục tiêu trên, chúng tôi hy vọng sẽ có những đóng góp vào việc hoàn bị góc nhìn về diện mạo văn học Phật giáo nói riêng và văn học trung đại Việt Nam nói chung.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp chuyên ngành

Phương pháp văn học sử: Phương pháp này sẽ giúp chúng tôi lí giải sự tiếp nhận và tiếp biến của giáo lí Phật giáo trong các sáng tác của các nhà nho.

Phương pháp thi pháp học: Giúp chúng tôi giải thích, phân tích nội dung và giá trị nghệ thuật trong các tác phẩm thơ của các nhà nho, để từ đó làm cơ sở cho việc khái quát diện mạo văn học chữ Hán của các nhà nho viết về Phật giáo.

Phương pháp loại hình: Giúp chúng tôi tìm hiểu, phân loại các kiểu loại nhà nho theo địa vị xã hội như vua chúa, quan lại, nho sinh.

Phương pháp văn bản học: Giúp chúng tôi tìm hiểu, chú giải và xác định tính chân thực của các bản dịch thơ văn, cũng như giúp loại bỏ những ngụy tạo về tác giả, niên đại.

4.2. Hướng tiếp cận liên ngành

Với đối tượng nghiên cứu là thơ văn viết về Phật giáo của nhà Nho, chúng tôi xem phương pháp Tôn giáo học và Triết học, Văn hóa học (hành vi con người với Nho, Phật) là những hướng tiếp cận liên ngành quan trọng, làm nền tảng cho các luận điểm được nêu ra và lý giải trong luận án.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng các phương pháp bổ trợ như: *Phương pháp phân tích - tổng hợp, Phương pháp thống kê - phân loại, Phương pháp cấu trúc - hệ thống, Phương pháp so sánh - đối chiếu.*

5. Đóng góp khoa học và ý nghĩa thực tiễn luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án sau khi hoàn thành sẽ có những đóng góp khoa học sau:

Một là làm rõ thêm những nguyên nhân tác động đến thái độ, hành vi của nhà nho với Phật giáo;

Hai là góp phần xác định, nhận diện diện mạo đề tài, tác giả, số lượng tác phẩm trong văn học chữ Hán viết về Phật giáo thời Lê - Nguyễn;

Ba là làm rõ những dấu ấn Phật giáo trong các sáng tác của nhà nho;

Cuối cùng, là góp phần xác lập, củng cố hướng nghiên cứu văn học viết về Phật giáo và văn học Phật giáo.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án khi thực hiện thành công có thể làm chuyên đề học tập cho sinh viên, học viên sau đại học ngành Văn học, Văn hóa học ở các học phần về văn học trung đại, văn học Phật giáo. Đặc biệt, luận án có thể in thành chuyên khảo cho các tầng ni sinh ở các trường Phật học tham khảo, và học tập.

6. Cấu trúc luận án

Luận án gồm phần chính văn có 197 trang, ngoài phần Mở đầu 7 trang, Kết luận 4 trang, và Tài liệu tham khảo 25 trang được xây dựng thành bốn chương (186 trang) :

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận, thực tiễn (43 trang).

Chương 2: Diện mạo thơ văn chữ Hán về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn (37 trang).

Chương 3: Nội dung thơ văn chữ Hán về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn (53 trang).

Chương 4: Nghệ thuật thơ văn chữ Hán về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn (53 trang).

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN

1.1. Tổng quan những công trình nghiên cứu về thơ văn chữ Hán của các nhà nho thời Lê - Nguyễn viết về đề tài Phật giáo

1.1.1. Những công trình sưu tầm, dịch thuật thơ văn chữ Hán của các nhà nho thời Lê - Nguyễn

Khi khảo các công trình dịch thơ văn chữ Hán trong thời trung đại Việt Nam nói chung, và thời Lê – Nguyễn nói riêng, chúng tôi thấy có các loại công trình sau: thứ nhất là tổng tập gồm tổng tập sáng tác của một tác giả, tổng tập của cả một giai đoạn văn học, ví như bộ *Tổng tập văn học Việt Nam, Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm tổng tập* (Viện Văn học, 2014)...; thứ hai là toàn tập về một tác giả, ví như *Nguyễn Trãi toàn tập* (Viện Sử học, 1976); thứ ba là tuyển/tinh tuyển thơ văn của một giai đoạn, hoặc của một tác giả, ví dụ bộ *Tinh tuyển văn học Việt Nam, Tuyển tập thơ văn Nguyễn Trãi* (Trần Thanh Đạm & Phan Sĩ Phấn, 1967); thứ tư là biệt tập, ví như *Ức Trai thi tập* (Trần Văn Nhĩ, 2013), *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông* (Mai Xuân Hải, 2003); thứ năm là hỗn tập (vừa tổng hợp bài nghiên cứu vừa giới thiệu thơ văn), ví như *Lê Thánh Tông – về tác gia và tác phẩm* (Bùi Duy Tân & Lại Văn Hùng, 2007), ... Và gần đây có thêm các công trình tuyển tập về văn bia. Trong đó, có rất nhiều tác phẩm thể hiện đề tài Phật giáo đã được dịch, chú và công bố đến đông

đạo độc giả. Đây chính là cơ sở giúp chúng tôi có cái nhìn tổng quát về tiến trình và thành tựu chú dịch thơ văn chữ Hán thời Lê - Nguyễn viết về đề tài Phật giáo.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về thơ văn chữ Hán của các nhà nho thời Lê - Nguyễn

➤ *Những công trình nghiên cứu lịch sử và đặc điểm giai đoạn*

Đầu thế kỷ XX, các công trình *Quốc văn trích diễm* của Dương Quảng Hàm (1925); *Văn đàn bảo giám* (3 quyển) của Trần Trung Viên (1926), *Văn chương An Nam* của Hồ Ngọc Cẩn (1933), và *Hán Việt văn khảo* của Phan Kế Bính (1938) đều chưa chú ý nhiều đến các tác phẩm văn chương viết về đề tài Phật giáo. Và trong tình hình chung đó, năm 1942, Nguyễn Đông Chi (1942) với *Việt Nam cổ văn học sử*; Nghiêm Toàn (1949) với *Việt Nam văn học sử trích yếu* cũng mới chỉ gọi nhắc đến yếu tố tôn giáo ảnh hưởng trong văn học.

Đến nửa sau thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu lịch sử văn học đã chú ý nhiều hơn đến vấn đề tôn giáo, mà cụ thể là Phật giáo được thể hiện trong văn học, như *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* của Thanh Lãng (1967), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ (1961), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, tập 1 (1984), tập 2 (1990) của Trần Văn Giáp, hay 4 tập *Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm*, do Lê Trí Viễn chủ biên (từ 1984 đến 1987).

Đến nửa cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI đã có các luận án về đề tài Phật giáo như của Nguyễn Phạm Hùng (1995), Đoàn Thị Thu Vân (1995), Nguyễn Công Lý (2000), Lê Thị Thanh Tâm (2007), tuy nhiên cũng mới dừng lại ở văn học giai đoạn Lý Trần.

➤ *Những công trình nghiên cứu nội dung, nghệ thuật, tư tưởng*

Trước hết, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra được sự ảnh hưởng Phật giáo trong tư tưởng và trong sáng tác của Nguyễn Trãi và Nguyễn Du. Tuy nhiên, cũng mới chỉ dừng lại ở các bài viết riêng lẻ. Cùng với đó, là các công trình có điểm qua nội dung Phật giáo như: Nguyễn Văn Sâm (1972), Bùi Thanh Phương (2005), Nguyễn Kim Sơn (2007), Duy Phi (2008), Trần Nguyên Việt (2010), Doãn Chính & Nguyễn Thị Hồng

Phương (2010), Nguyễn Anh Quốc (2012), Nguyễn Đình Thu (2015a), Lê Văn Tấn (2015), Đỗ Thị Thu Thủy (2015), Phan Thanh (2016), Nguyễn Quang Minh & Mai Thị Huệ (2016), Thích Hạnh Tuệ (2018), Nguyễn Thị Việt Hằng (2020), Nguyễn Công Lý (2021), Nguyễn Công Lý (2022) ... Ở công trình này phần nhiều chú ý đến tư tưởng, nội dung mà ít chú ý đến nghệ thuật.

➤ *Những công trình nghiên cứu chung về Phật giáo và văn học Phật giáo*

Ngay từ đầu thế kỷ XX, có những công trình nghiên cứu lịch sử, đặc điểm Phật giáo như: Trần Văn Giáp (1935), Huỳnh Sĩ Phục (1939), Mật Thê (1942), Phan Văn Hùm (1942)... Và cho đến nay, các nhà nghiên cứu tiến thêm một bước nữa, hoặc là tổng kết lại các kết quả nghiên cứu Phật giáo nói chung và văn học Phật giáo nói riêng từ các khía cạnh nhân sinh quan, thế giới quan của Phật giáo. Ở đó, nội dung không chỉ giải thích khái niệm, mà còn làm rõ lịch sử truyền thừa, cũng như mối quan hệ của Phật giáo đối với các thành tố thuộc kiến trúc thượng tầng xã hội như: chính trị, văn hóa, nghệ thuật... Còn các công trình nghiên cứu về văn học Phật giáo thời Lê - Nguyễn đa phần dừng lại tìm hiểu tư tưởng các tác giả riêng lẻ, và các tác phẩm cụ thể, mà ít có sự khái quát về khuynh hướng hay giai đoạn.

1.2. Cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn

1.2.1. Cơ sở lí luận

Với đối tượng nghiên cứu là *Thơ văn chữ Hán về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn*, chúng tôi thấy cần làm rõ một số khái niệm liên quan như: nhà nho, đề tài Phật giáo, và thời Lê - Nguyễn.

Về khái niệm nhà nho: Là người học kinh sách Nho giáo nói chung, không phân biệt giai tầng (vua, quan, hay thứ dân).

Về nội hàm khái niệm “đề tài Phật giáo”: Là các vấn đề thuộc hoặc liên quan đến Phật giáo, không phân biệt ca ngợi Phật giáo hay phê phán Phật giáo. Ở đây có thể là tác phẩm viết về chùa, tăng, Phật khí, Phật lý; cũng có thể là những cảm thức thiên Phật; cũng có thể là thiên nhiên gắn

với không gian văn hóa Phật giáo; cũng có thể là mối quan hệ giữa đạo và đời mà không phân biệt hình thức thể loại.

Về khái niệm thời Lê - Nguyễn: Bắt đầu từ khi Lê Lợi lập ra nhà Lê (đầu thế kỷ XV) cho đến cuối thế kỷ XIX. Thời kì này bao gồm thời Hậu Lê (Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng), Tây Sơn và Nguyễn.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn

Về xã hội thời Lê - Nguyễn: Từ khi Lê Lợi giành lại độc lập năm 1428 đến khi Pháp xâm lược nước ta, tính ra 430 năm, nước ta bị quản chế bởi các gia tộc bằng thể chế nhà nước chuyên chế quân chủ độc tài. Trong hơn 400 năm ấy, nhìn bề ngoài, nước ta là một quốc gia độc lập, ổn định, nhưng thực chất bên trong lại vô cùng bất ổn. Việc bất ổn ấy không chỉ bởi cuộc nội chiến của các hoàng thân quốc thích, mà còn là bởi sự tranh giành quyền lực của các tập đoàn phong kiến. Cùng với đó, cơ cấu xã hội cũng là một nhân tố quyết định đến lực lượng tác giả viết về đề tài Phật giáo. Thời Lê - Nguyễn có tầng lớp cai trị là vua và các quan lại, quý tộc, điền chủ; có tầng lớp tự do là các thương nhân, dân thành thị; có tầng lớp bị trị chủ yếu là nông dân.

Về văn học thời Lê - Nguyễn: Văn học thời kì này, một mặt nhìn về hình thức là sản phẩm của mỗi cá nhân, nhưng về cứu cánh vẫn là phương tiện truyền đạo với một số đặc điểm sau: Xét về văn tự, thời Lê - Nguyễn là giai đoạn văn học song ngữ. Cả văn học chữ Hán và chữ Nôm cùng phát triển. Xét về thể loại, tiếp tục có sự tiếp thu và kế thừa các thể loại văn học Trung Quốc như các loại cổ thể, cận thể, truyện ký, phú...; bên cạnh đó, thể thất ngôn xen lục ngôn, truyện thơ Nôm. Xét về chức năng, có hai chức năng: chức năng hành chức và chức năng thẩm mỹ. Xét về nội dung, có một số khuynh hướng tiêu biểu như: Thứ nhất là khuynh hướng yêu nước gắn với nội dung chống giặc ngoại xâm; Thứ hai là khuynh hướng nhân dân; Thứ ba là khuynh hướng ưu thời mẫn thế, phê phán hiện thực; Thứ tư là khuynh hướng nhân đạo. Khuynh hướng này thể hiện rõ trong văn học cuối thế kỷ XVIII - đầu XIX; và khuynh hướng văn học Phật giáo.

Về văn học Phật giáo thời Lê - Nguyễn có một số đặc điểm như: Về hệ thống tác giả gồm có các thiền sư; Về hệ thống thể loại có thể chia thành các nhóm: trữ tình triết luận: Kệ, thơ, phú, văn, ngâm; nhóm tự sự công án, kể hạnh: Ngữ lục, truyện (gồm truyện thơ), ký; và nhóm luận thuyết chính luận: bia ký, minh, luận thuyết tôn giáo; Về văn tự bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm; Về nội dung phản ánh: thiên nhiên, đời sống thế tục, tư tưởng kinh Phật, ca ngợi Phật giáo, thể hiện tinh thần tam giáo đồng nguyên; Về nghệ thuật: sử dụng từ ngữ Phật giáo, và một số điển cố Phật giáo.

Về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Những công trình sưu tầm, dịch thuật thơ văn chữ Hán của các nhà nho thời Lê - Nguyễn: các tác phẩm của các nhà nho gần như được dịch trọn vẹn về thi tập, thi tuyển, tổng tập, toàn tập. Tuy nhiên, vẫn có những nguy tạo khó xác định văn bản thật. Những công trình nghiên cứu về lịch sử văn học, hoặc đặc điểm giai đoạn văn học trung đại có điếm qua các tác phẩm viết về đề tài Phật giáo được tiếp cận đa dạng với nhiều quan điểm khác nhau từ các cơ sở lí thuyết như: Lí luận văn học, phê bình văn học, văn học sử... nhưng lại ít liên quan đến thời Lê - Nguyễn. Những công trình nghiên cứu nội dung, nghệ thuật tác phẩm chữ Hán, và tư tưởng của tác giả nhà nho có điếm qua nội dung Phật giáo đa phần mới chỉ dừng lại ở các tác phẩm riêng lẻ, ít có tính khái quát.

Tiểu kết chương 1

Cho đến thời điểm hiện tại, việc nghiên cứu về văn học Phật giáo không phải là hoàn toàn mới, nhưng cũng sẽ không bao giờ cũ. Bởi ở những hướng tiếp cận, mục tiêu nghiên cứu khác nhau, sẽ cho những kết quả nghiên cứu thú vị, thậm chí, sẽ mở rộng chiều kích các quan điểm đánh giá về đặc trưng, đặc điểm của văn học.

Nhìn lại những công trình chúng tôi đã trình bày trên, có thể thấy các địa hạt về văn học và văn học Phật giáo đã được giới nghiên cứu khai mở, tuy nhiên, vẫn chưa có công trình chuyên biệt nghiên cứu về thơ văn bằng chữ Hán của các nhà nho viết về đề tài Phật giáo thời Lê - Nguyễn.

Cũng từ các công trình nghiên cứu này, chúng tôi xác định được các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài như khái niệm “nhà nho”, “đề tài Phật giáo”, “thời Lê - Nguyễn”; Đồng thời, cũng thấy rõ được sự tác động của cơ sở thực tiễn đến thái độ, tương của các nhà nho trong quá trình sáng tác đến các tác phẩm văn học viết về Phật giáo.

CHƯƠNG 2: DIỆN MẠO THƠ VĂN CHỮ HÁN VIẾT VỀ ĐỀ TÀI PHẬT GIÁO CỦA CÁC NHÀ NHO THỜI LÊ - NGUYỄN

2.1. Thời Lê sơ - Nam Bắc phân tranh (thế kỷ XV - XVII)

2.1.1. Thơ

Về loại hình và số lượng tác giả

Loại hình vua chúa có 1 tác giả; Loại hình nho quan có 29 tác giả; Loại hình nho sinh, không có tác giả nào.

Về loại hình và số lượng tác phẩm

Thất ngôn bát cú, có 63 bài; Thất ngôn tứ tuyệt, có 25 bài; Ngũ ngôn bát cú, có 4 bài; Ngũ ngôn tứ tuyệt, có 3 bài; Thất ngôn trường thiên, có 3 bài; Ngũ ngôn trường thiên, có 1 bài; Riêng thể loại Phú, có 1 bài.

Về chủ đề

Trước hết là *thể hiện tinh thần mộ Phật với việc miêu tả mối quan hệ của mình với các tu sĩ hoặc tả vẻ đẹp thiên nhiên gắn với cảnh chùa*; Thứ hai là *miêu tả, kể lại lịch sử chùa*. Ngoài ra, thơ giai đoạn này cũng đề cập đến những suy tư về cuộc đời từ thế giới quan Phật giáo nhưng không nhiều như thế kỷ XVIII.

2.1.2. Văn xuôi

Về loại hình và số lượng tác giả

Tác giả viết luận thuyết, có 1 tác giả thuộc loại hình nho quan. Tác giả viết truyện ký, có 3 tác giả, trong đó 1 tác giả thuộc các loại hình nho quan. Tác giả viết văn bia: Loại hình vua chúa, có 2 tác giả; Loại hình nho quan có 25 tác giả; Loại hình nho sinh có 49 tác giả.

Vậy, so với loại hình tác giả viết thơ, thì tác giả viết văn thuộc loại hình nho sinh chiếm 2/3. Điều đó cho thấy các vị nho quan ít quan tâm đến việc viết văn (đặc biệt là văn bia) về đề tài Phật giáo.

Về loại hình và số lượng tác phẩm

Luận thuyết, có 1 văn bản; *Truyện ký*, có 7 văn bản; *Văn bia*¹, có 113 văn bản.

Về chủ đề

Chủ đề trong luận thuyết, ở tác phẩm *Thiền môn giáo khoa thư* của Lương Thế Vinh, chúng tôi không tiếp cận được văn bản (vì cho đến nay đã thất truyền). Xong dựa vào tựa đề, có thể đoán chủ đề trình bày về lịch sử, nội dung kinh kệ Phật giáo.

Chủ đề trong truyện ký

Chủ đề truyện ký không có yếu tố hư cấu thể hiện ở việc *ghi chép các thông tin về chùa*. Chủ đề truyện ký có yếu tố hư cấu được thể hiện ở việc *phê phán Phật giáo*. *Chủ đề trong văn bia* có các khía cạnh như: *Văn bia lịch sử* (viết về lịch sử gốc tích, trùng tu chùa, hoặc tiểu sử thiền sư, người tạo dựng chùa); *Văn bia tả cảnh* (viết về cảnh chùa, miêu tả địa thế chùa); *Văn bia ca ngợi* (viết về niềm tin tôn giáo, ca ngợi đức Phật; thể hiện cảm tình với nhà Phật, chùa chiền); *Văn bia giáo nghĩa* (viết về giáo lí, hoặc nhắc đến các khái niệm kinh kệ Phật giáo). *Văn bia thể hiện nhân sinh quan nhà nho về Phật giáo, và mối quan hệ tam giáo hòa đồng*.

2.2. Thời Lê mạt (thế kỷ XVIII)

2.2.1. Thơ

Về loại hình và số lượng tác giả

Loại hình nho quan, có 24 tác giả; *Loại hình vua chúa, và nho sinh* không có tác giả nào.

Về loại hình và số lượng tác phẩm

¹ Xin nói thêm, văn bia thực chất cũng thuộc loại truyện ký như Nguyễn Đăng Na (2007) đã xác quyết, nhưng ở chương này, chúng tôi tách văn bia ra thành một mục, bởi ngoài sự khác biệt là phương tiện lưu truyền trên bia, thì còn những đặc thù riêng gắn với sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng (xét ở chức năng). Ở chương về nghệ thuật, chúng tôi sẽ đặt chung văn bia vào cùng với truyện ký để làm rõ nét riêng của văn xuôi thời kì này viết về đề Phật giáo.

Thất ngôn bát cú, có 135 bài; *Thất ngôn tứ tuyệt*, có 15 bài; *Ngũ ngôn bát cú*, có 9 bài; *Ngũ ngôn tứ tuyệt*, không có bài nào; *Thất ngôn trường thiên*, có 2 bài; *Ngũ ngôn trường thiên*, có 7 bài.

Về chủ đề

Thứ nhất là *thể hiện tinh thần tam giáo hòa đồng*; Thứ hai là *thể hiện tâm thiên, cảnh thiên*; Thứ ba là *thể hiện nỗi lòng hoài cổ, suy tư về cuộc hiện thực cuộc đời*

2.2.2. Văn xuôi

Về loại hình và số lượng tác giả

*Luận thuyết*² có 8 tác giả đề thuộc *loại hình nho quan*; *Truyện ký* không có tác giả nào³. *Văn bia*, có 10 tác giả, trong đó, *loại hình vua chúa* có 2 tác giả; *Loại hình nho quan* có 2 tác giả; *Loại hình nho sinh* có 3 tác giả.

Về loại hình và số lượng tác phẩm

Luận thuyết, có 8 văn bản; *Truyện ký*, không có văn bản nào. *Văn bia*, có 9 văn bản.

Về chủ đề

Chủ đề trong luận thuyết: Thứ nhất là viết về *lịch sử Phật giáo* và *bàn về kinh ngữ*, có Thiên Thiên dật, Lê Quý Đôn; Thứ hai là *giảng kinh*, có Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh. *Chủ đề trong văn bia*: tập trung ở việc *miêu tả lịch sử chùa qua đó ca ngợi Phật giáo*.

2.3. Thời Nguyễn (thế kỷ XIX)

2.3.1. Thơ

Về loại hình và số lượng tác giả

Loại hình vua chúa, có 2 tác giả; *Loại hình nho quan*, có 37 tác giả; *Loại hình nho sinh* không có tác giả nào.

Về loại hình và số lượng tác phẩm

² Ở mục này, các tác giả (ngoại trừ Lê Quý Đôn) có những nét khá đặc biệt: họ vừa là người tu hành (thoát tục), lại vừa là nhà nho (thế tục), và họ có một số điểm chung về kiểu tác giả nhà nho - thiền sư như thời Lý - Trần.

³ Chúng tôi xin nói rõ thêm, việc đưa ra nhận định không có tác giả nào, không có tác phẩm thuộc loại hình thể loại nào là căn cứ vào giới hạn phạm vi nghiên cứu của luận án; chứ không phải là nhận định mang tính toàn tất.

Thất ngôn bát cú, có 71 bài; *Thất ngôn tứ tuyệt*, có 15 bài; *Ngũ ngôn bát cú*, có 21 bài; *Ngũ ngôn tứ tuyệt*, có 4 bài; *Thất ngôn trường thiên*, có 1 bài; *Ngũ ngôn trường thiên*, có 3 bài.

Về chủ đề

Thứ nhất là *ca ngợi Phật giáo*; Thứ hai *thể hiện tinh thần tam giáo hòa đồng*; Thứ ba là *thể hiện nỗi lòng hoài cổ, suy tư về cuộc hiện thực cuộc đời*; Thứ tư là *thể hiện tâm thiền, cảnh thiền*.

2.3.2. Văn xuôi

Về loại hình và số lượng tác giả

Tác giả viết văn luận thuyết, không có. *Tác giả viết truyện ký*, có 4 tác giả đều thuộc *loại hình nho quan*. *Tác giả viết văn bia*, 23 tác giả thuộc các loại hình sau: *Loại hình vua chúa*, có 3 tác giả; *Loại hình nho quan*, có 4 tác giả; *Loại hình nho sinh*, có 3 tác giả, và 13 soạn giả không đề tên.

Về loại hình và số lượng tác phẩm

Văn luận thuyết, không có. *Truyện ký* có 16 văn bản, trong đó *truyện ký không mang yếu tố hư cấu* (không có cốt truyện), 9 văn bản; *Truyện ký mang yếu tố hư cấu* (có cốt truyện), có 7 văn bản. *Văn bia*, có 26 văn bản.

Về chủ đề

Chủ đề truyện ký: Chủ đề trong truyện ký không có yếu tố hư cấu: Thứ nhất là *các ghi chép vừa tả cảnh, vừa trình bày cảm xúc, vừa kể lại những điều nghe thấy khi đến viếng cảnh chùa*. Thứ hai là *nêu thông tin về chùa như vị trí, đặc điểm*. Chủ đề trong truyện ký có yếu tố hư cấu: *Viết về sử truyện của các thiền sư, chùa, hoặc ghi chép các linh tích liên quan đến già lam, am mây*.

Chủ đề văn bia: Trước hết là *thể hiện mối hòa đồng tam giáo*. Và thể hiện *niềm tin vào Phật giáo*.

Tiểu kết chương 2

Về diện mạo loại hình tác giả: có đủ các loại hình vua chúa, nho quan và nho sinh.

Về diện mạo thể loại: Xét về thể thơ, có hai thể được sử dụng nhiều là thất ngôn và ngũ ngôn. Trong đó, thể thất ngôn chiếm đa số. Về các thể văn (truyện ký, văn bia, luận thuyết) tương đối khiêm tốn về số lượng. Riêng về văn bia đã góp phần tạo nên một diện mạo mới trong việc đánh giá về tác phẩm thơ văn viết về đề tài Phật giáo.

Về diện mạo chủ đề: Trước hết là ca ngợi cảnh chùa, ca ngợi tăng chúng, ca ngợi giáo lý nhà Phật; thể hiện niềm tin vào Phật giáo; Thứ hai là cách thể hiện sự suy tư về tình - cảnh - sự về thế sự; Thứ ba, trong văn bia, kể sự việc xây chùa, liệt kê tín thí; Thứ tư, là những lời bình phẩm, chú giải kinh văn Phật giáo; Cuối cùng là, mối hoài nghi về Phật giáo.

Tóm lại, việc dựng lại diện mạo thơ văn chữ Hán của các nhà nho thời Lê - Nguyễn viết về đề tài Phật giáo không chỉ củng cố những nhận định về nghệ thuật, nội dung, tư tưởng văn học Việt Nam thời trung đại; mà còn góp thêm, gợi ý những điểm nhìn mới về tiến trình văn học sử Việt Nam.

CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ NỘI DUNG THƠ VĂN CHỮ HÁN VỀ ĐỀ TÀI PHẬT GIÁO CỦA CÁC NHÀ NHO THỜI LÊ – NGUYỄN

3.1. Phản ánh tâm thế tiếp nhận ngôn ngữ Phật giáo và sự suy tư trước cuộc đời

3.1.1. Phản ánh tâm thế tiếp nhận ngôn ngữ Phật giáo

Trong thơ văn chữ Hán về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn, tâm thế tiếp nhận ngôn ngữ Phật giáo cơ bản được thông qua hai quá trình: trực tiếp (có chủ đích) và gián tiếp (không có chủ đích). Quá trình trực tiếp là việc đọc, khảo và bình chú về kinh Phật. Ví như Lương Thế Vinh với *Thiền môn khoa giáo*, Lê Quý Đôn với thiên *Thiền Dật* trong *Kiến văn lục*, Hương Hải thiền sư Ngô Thì Nhậm và các tác

giả phần *Thanh dẫn, Thanh chú* trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* (竹林宗旨元聲)... Còn quá trình gián tiếp, là việc tiếp nhận từ dân gian, qua việc viếng chùa, viết văn bia hoặc qua trao đổi với các thiền sư. Ví như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm,... với các bài thơ viết việc viếng cảnh chùa, văn bia ở các chùa.

Ở quá trình tiếp nhận trực tiếp, ta thấy các đặc điểm tâm thế tiếp nhận ngôn ngữ Phật giáo như sau: Thứ nhất, là dẫn giải cái gốc của giáo hóa là đề tu dưỡng đạo lý; chỉ ra cái khả vi hiểu biết của mỗi con người là rất hạn hẹp. Thứ hai, các nhà nho thường đưa ra ý kiến của bản thân khi dẫn lại ý kiến, nhận định trong các kinh sách Phật giáo. Thứ ba, là phiên dịch và chú giải chữ Phạn. Thứ tư, là khái lược lại quá trình hoằng truyền Phật giáo vào Việt Nam với hai nội dung chính: hành trạng của các thiền sư tiêu biểu, và trích dẫn một số bài thơ của họ. Vậy việc tiếp nhận kinh nghĩa ngôn ngữ Phật giáo không chỉ dừng lại ở việc chú giải từ ngữ kinh Phật, mà tiếp nhận nó như một thực thể gắn liền với lịch sử, văn hóa, và chính trị trong từng giai đoạn nhất định mà nhà nho sinh sống.

Khác với điều đó, việc tiếp nhận gián tiếp kinh nghĩa ngôn ngữ Phật giáo của các nhà nho được thể hiện trong thơ văn (chủ yếu là thơ) không nhằm giảng giải yếu chỉ giáo lý nhà Phật mà hướng đến những cách hiểu mang tính trải nghiệm cá nhân đối với các khái niệm trong kinh ngữ. Do đó, nó thường mang tính chủ quan, cảm tính.

Như trên trình bày, trong thơ văn của các nhà nho viết về đề tài Phật giáo, việc tiếp nhận ngôn ngữ Phật giáo được thể hiện hoặc là giảng giải trực tiếp kinh nghĩa, hoặc là sự tư nghiệm, bất chợt đón ngộ mà nhắc đến kinh nghĩa ngôn ngữ Phật giáo. Và ở dạng thức thứ hai này, chính là phương tiện thể hiện góc nhìn bản thể luận Phật giáo của các nhà nho trước tình - cảnh - sự.

3.1.2. Phản ánh sự suy tư về cuộc đời nhìn từ bản thể luận Phật giáo

Chúng tôi, khi khảo sát thơ văn chữ Hán của các nhà nho thời Lê - Nguyễn, thì nhận thấy rằng, các nhà nho khi viết về đề tài Phật giáo, họ

không thể hiện một cách rõ ràng, hoặc không nhằm ẩn ý đi giải thích về các khái niệm thể hiện bản thể thế giới như quan niệm của Phật giáo. Mà ở đó, họ vận dụng quan niệm về bản thể thế giới của Phật giáo để thể hiện góc nhìn của mình về hiện thực qua thơ văn. Cụ thể, nhà nho không nhìn toàn triệt về “sắc - không” như quan điểm nhà Phật. Ở góc nhìn của họ, *sự hư ảo, giả tạm của tình - cảnh - sự được cảm nhận trong diễn trình nhanh chậm, được mất của tình - cảnh - sự ấy theo không thời gian đời người*. Đây chính là nhận thức mang tính nền tảng, để các nhà nho thể hiện ở cảm hứng thoát tục, với những suy tư trước tình - cảnh - sự của cuộc đời. Từ đó, các nhà nho đã chọn lối sống an nhiên, an lạc. Đây cũng là đặc điểm chung với thơ thiền thời Lý - Trần, nhưng lại có nét riêng gắn với thời đại Lê - Nguyễn. Ở đó, nhân vật trữ tình trung tâm là nhà nho được thâm thấu tinh thần thi nhân thiền sư để rồi tạo nên ý thơ vừa thế tục vừa thoát tục. Còn trong thơ thiền thời Lý - Trần, nhân vật trữ tình chủ đạo là thiền sư nên ý thơ mang đậm chất thoát tục.

3.2 . Thể hiện sự dung hòa Nho - Phật

3.2.1. Thể hiện quan niệm khu Thích dĩ nhập Nho

Trước hết, chúng tôi khẳng định rằng: hiện tượng *cur Nho mộ Phật* (居儒慕佛) và *khu Thích dĩ nhập Nho* (驅釋以入儒) vừa là một hiện tượng, vừa là một tiến trình. *Cur Nho mộ Phật* (居儒慕佛) giải thích theo từ nguyên nghĩa là ở địa vị nhà nho mà yêu mến nhà Phật. Còn *khu Thích dĩ nhập Nho* (驅釋以入儒) nghĩa là đem/vận dụng tư tưởng nhà Phật vào đời sống nhà nho. Dựa vào nội dung thơ văn viết về đề tài Phật giáo, chúng tôi nhận thấy: nhìn về bản chất, hai hiện tượng trên cơ bản giống nhau ở sự cởi mở trong tinh thần của nhà nho với Phật giáo; nhưng lại khác nhau ở hình thức - cách ứng xử của nhà nho với Phật giáo: Một bên chỉ thể hiện sự ưu ái (chỉ dừng lại ở mặt tình cảm) với đạo Phật, còn một bên không chỉ thể hiện sự ưu ái mà còn vận dụng tinh thần Phật giáo vào cách ứng xử với nhân sinh, hay nhìn về thời thế.

Ở hiện tượng *cur Nho mộ Phật* thời Lê - Nguyễn, từ kết quả khảo sát ở phần diện mạo nội dung, chúng tôi thấy biểu hiện chung của hiện

tượng này trước hết là sự cảm tình với thái độ e dè khi nhắc đến nhà Phật. Và bên cạnh những sự thận trọng, e dè ấy, các nhà nho cũng thể hiện sự yêu mến nhà chùa, hoặc thân mật với các thiền sư.

Còn hiện tượng *khu Thích dĩ nhập Nho* được thể hiện ở ba khía cạnh: 1) hành thiền, vận dụng thế giới quan Phật giáo vào đời sống bản thân mỗi nhà nho; 2) Vận dụng nhân sinh quan Phật giáo (từ bi, nhân quả) vào cuộc sống, xây dựng đạo đức xã hội; 3) Phát triển Phật giáo trở thành tôn giáo phổ biến, chủ đạo trong đời sống tâm linh, tín ngưỡng cộng đồng.

3.2.2. Thể hiện quan quan niệm dĩ Nho giải Phật

Hiện tượng này trước hết gắn liền với việc tiếp nhận ngôn ngữ Phật giáo (tiếp thu tinh thần, tư tưởng Phật giáo) nhưng đặc biệt ở chỗ các nhà nho lấy tư tưởng, kinh ngữ Nho học để dẫn giải triết thuyết, kinh nghĩa Phật học; và lấy địa vị của nhà nho để nhìn về, ứng xử với nhà Phật. Cũng do đó, đây là minh chứng cho tinh thần *Nho Phật dung hòa* (儒佛融通).

Ở việc lấy tư tưởng, kinh ngữ Nho học để dẫn giải triết thuyết, kinh nghĩa Phật học trong hiện tượng *dĩ Nho giải Phật* nhằm làm cho khái niệm Phật giáo được dễ hiểu hơn, thể hiện ở các khía cạnh: thứ nhất (trong văn bia) là giải thích ở khía cạnh đạo đức để điều chỉnh hành vi xã hội ; thứ hai (trong kinh văn, kiến văn), là giải thích các khái niệm triết học Phật giáo; thứ ba là lấy khái niệm chỉ khái niệm tương đồng. Đồng thời nó cũng thể hiện quan niệm của các trí thức Việt Nam (từ vua đến quan) diễn giải sự tịnh hành của tam giáo.

Còn lấy địa vị của nhà nho để nhìn về, ứng xử với nhà Phật trong hiện tượng *dĩ Nho giải Phật* thì biểu hiện ở việc cùng góp phần xây dựng đời sống tinh thần của người Việt.

3.3. Thể hiện thái độ của nhà nho đối với Phật giáo

3.3.1. Thể hiện thái độ ca ngợi Phật giáo

Trong khảo sát của chúng tôi về thơ văn thời Lê - Nguyễn, thì thái độ ca ngợi Phật giáo ở những khía cạnh sau: Ca ngợi đạo hạnh của các

danh tăng; ca ngợi công đức những người xây chùa miếu. Thứ ba, là ngợi ca sự linh thiêng Phật giáo.

Từ các khía cạnh này, các nhà nho đã miêu tả khá rõ sự sùng bái của người dân thời Lê - Nguyễn với Phật giáo. Ngoài việc xây chùa, ca ngợi người có công, thì còn tin vào quả đức từ việc đi lễ, ăn kinh, bố thí. Đây chính là minh chứng để khẳng định, đức tin Phật giáo trong thời Lê - Nguyễn là sự tiếp nối đức tin tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng thời Lý - Trần. Đức tin ấy là một điểm nhấn trong đời sống tâm linh của người Việt.

3.3.2. Thể hiện thái độ phê phán Phật giáo

Từ những nguyên nhân xã hội, cùng những chính sách của các vua chúa, thì ngoại vi đức tin vào Phật pháp tăng, đã được không ít nhà nho thời Lê - Nguyễn phơi bày những mặt trái mà những người theo Phật giáo phạm phải. Ở đó, tăng nhân, tín chủ đã không chuyên tu để đạt chính quả, mà lợi dụng niềm tin tôn giáo để lợi mình, hại người. Mặt khác, các tác giả cũng đặt ra mối nghi về công lực thực sự của Phật pháp trong những lúc chúng dân gặp kiếp nạn, xã hội gặp buổi nhiễu nhương. Song le, mục đích cuối cùng của các nhà nho khi viết những câu chuyên này không chỉ phê phán Phật giáo, mà còn muốn phê phán tầng lớp thống trị được thời, đã không có khả năng an bang tế thế lại còn sách nhiễu, đòi hỏi bổng lộc.

Vậy, thái độ của nhà nho với đức tin Phật giáo chính là việc thiêng hóa đời sống Phật giáo, còn phê phán Phật giáo chính là việc giải thiêng tam bảo. Sự thiêng hóa là sự hòa trộn với tín ngưỡng dân gian, Việt hóa thể giới Phật giáo. Còn sự giải thiêng chính là “một mũi tên trúng hai đích”, thứ nhất là cảnh tỉnh những người theo Phật mà không giữ giới luật; thứ hai là phê phán thực trạng đạo đức xã hội đang xuống cấp, làm băng hoại những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, và kìm hãm sự phát triển xã hội.

Tiểu kết chương 3

Giá trị về nội dung thể hiện ở ba khía cạnh: Thứ nhất là sự phản ánh tâm thế của nhà nho khi tiếp nhận kinh nghĩa, ngôn ngữ Phật giáo, cũng

tư việc tiếp nhận ấy, các nhà nho thể hiện sự suy tư về cuộc đời qua góc nhìn từ bản thể luận Phật giáo. Thứ hai, là thể hiện quan niệm của các nhà nho trong tương quan Nho - Phật và hiện thực cuộc sống. Ở đó, nhà nho đã thể hiện một sự mềm mỏng trong cách ứng xử của mình với ý thức về địa vị của bản thân trong tương tác với hoàn cảnh cụ thể.... Cuối cùng là thể hiện thái độ của nhà nho với Phật giáo, có khi là niềm tin tuyệt đối với những tác phẩm thơ văn ca ngợi; cũng có lúc là sự hoài nghi về đức tin với hành vi, nhân cách của thầy tăng.

CHƯƠNG 4: NGHỆ THUẬT THƠ VĂN CHỮ HÁN VỀ ĐỀ TÀI PHẬT GIÁO CỦA CÁC NHÀ NHO THỜI LÊ – NGUYỄN

4.1. Hình thức thể loại và ngôn ngữ thơ

4.1.1. Hình thức thể loại

Xét về hình thức, kệ có thể chia làm các loại: 1-*Ngũ chủng kệ* (năm loại kệ) 2-*Tứ chủng kệ*; 3-*Nhị chủng kệ* (hai loại kệ). Xét về nội dung, có các loại: 1-*Kệ tán*; 2-*Kệ tụng*; 3-*Kệ kệ*. Về kệ xét về hình thức có hai loại, thơ và tản văn; xét về nội dung cũng có hai loại, gồm giải kinh và ca ngợi công đức.

Khảo sát các bài thơ viết về đề tài Phật giáo thời Lê - Nguyễn, chúng tôi thấy các tác phẩm này có những nét giao thoa về đặc điểm nghệ thuật kệ tụng Phật giáo không chỉ ở nội dung mà còn ở hình thức, với các khía cạnh sau: Một là, trước khi viết bài thơ sẽ có một đoạn văn giới thuyết về địa danh, nhà sư, hay một cách hiểu về khái niệm Phật giáo. Hai là số chữ trong câu thơ khá đa dạng gồm thơ 3 chữ, 4 chữ sau các bài tán, hay cuối bài văn bia; thơ 5 chữ, 7 chữ (trong loại cận thể); và thơ có xen 6 chữ, 8 chữ, 9 chữ (trong loại cổ thể). Đặc biệt, có trường hợp phía trên là bài thơ thất ngôn bát cú, phía cuối là một bài kệ.

4.2.2. Ngôn ngữ

Theo khảo sát của chúng tôi, ngôn ngữ thơ về đề tài Phật giáo không bị chập vào kiểu ngôn ngữ tải đạo, giáo huấn hay ngôn chí, mà nó thơ gắn liền với cảm thức của nhân vật trữ tình trong từng hoàn cảnh cụ thể

trước không gian Phật giáo. Ở đó, ngôn ngữ thơ có lúc như lời giảng giải trực ngôn, có khi như lời tự vấn; có khi lại như tự ngôn, có lúc lại đậm chất thực nghiệm khởi ra từ cái tôi của nhà thơ trong những tình - cảnh - sự cụ thể.

Từ ngôn ngữ thơ như trên, mà thơ viết về đề tài Phật giáo đã hạn chế được phần nào của lối viết từ chương, phản ánh được sự tự do trong việc sử dụng ngôn ngữ thơ của các tác giả. Đây cũng chính là một biểu hiện của tinh thần khai phóng mà nhà nho muốn tỏ lòng trong các thi phẩm của mình.

4.2. Hình thức thể loại và lối diễn đạt trong văn

4.2.1. Hình thức thể loại

Truyện ký về đề tài Phật giáo góp phần phân định thể loại trong văn xuôi trung đại. Ở các tác phẩm truyện ký có cốt truyện (tự sự, văn truyện), ta thấy có những “thử nghiệm”, ghi chép vừa như muốn bút phá khỏi nghệ thuật kể chuyện dân gian, lại vừa như “núi kéo” những thủ pháp kì ảo mà văn học dân gian tạo nên sự hấp dẫn cho sự sáng tạo; vừa muốn tạo ra một cốt truyện mới, nhưng lại thể hiện đậm chất sử truyện. Chính điều này đã góp phần xác lập những đặc điểm thể loại tự sự với tính chất hư cấu, chứ không chỉ là những ghi chép mang tính ký sự lịch sử.

Còn ở truyện ký không có cốt truyện, chúng tôi thấy gần với loại tùy bút hiện đại: Thứ nhất, các tác giả dựa trên những ghi chép chân thật (đôi khi là những tộc kí) như là một bài khảo cứu về các danh nhân, danh tích. Thứ hai, ở một số tác phẩm khác, ta thấy các tác giả bắt đầu thể hiện góc nhìn riêng của bản thân. Ở đó, cùng với những chuyện được nghe, thấy thì chính tác giả tham gia vào nội dung tác phẩm. Do vậy, các tác phẩm này thể hiện lối viết khá tự do nên “chất thơ và cái tôi trữ tình” chính là điểm nhấn tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm, chứ không phải là cảnh, sự được “ký” lại.

4.2.2. Lối diễn đạt

Trong khảo sát của chúng tôi, lối diễn đạt ở văn luận thuyết và văn bia được biểu hiện ở lối lập luận đa dạng. Trước hết là lối diễn đạt móc xích. Với lối diễn đạt này, tác giả làm cho ý tứ của câu văn liền mạch, gắn kết với nhau. Thứ hai là lối hoán dụ, lấy cái cụ thể để giải thích khái niệm trừu tượng. Thứ ba, là lối diễn đạt quy nạp. Với lối diễn đạt này, các tác giả đã dẫn dắt người đọc tìm hiểu những ý riêng lẻ đến ý tổng hợp chung. Thứ tư là lối diễn dịch. Tác giả dùng lối văn này để trình bày trực tiếp vấn đề, ý kiến của bản thân, sau đó mới dùng các dẫn chứng để chứng minh điều mà mình nêu ra/nhận định. Thứ năm, là lối viết song hành. Những văn bản sử dụng lối viết này đã giúp người đọc có sự liên tưởng các hình ảnh song song, khái niệm được đưa ra. Thứ sáu, là lối định nghĩa. Thứ bảy, là lối ẩn dụ. Thứ tám, là lối so sánh tương đồng. Lối văn này gần với lối song hành (chủ đề ẩn), nhưng khác ở chỗ chủ đề được nêu rõ ra trong đoạn văn.

4.3. Nghệ thuật thơ văn mang dấu ấn mỹ học thiền

4.3.1. Sử dụng điển cố Phật giáo

Trước hết, là sử dụng tên gọi của các vị Phật, cao Tăng, của những nhà nho để nói đến sức ảnh hưởng của Phật giáo đến nho giáo; Thứ hai, các tác giả thường sử dụng các điển cố liên quan đến hoạt động của nhà chùa như là thể hiện sự đôn ngộ, cũng như sự am tường Phật sự, và tình cảm gắn gũi với nhà chùa; Thứ ba, là các tác giả sử dụng các tích truyện liên qua đến nhà Phật để nói lên triết lí nhân sinh từ góc nhìn Phật giáo hoặc từ chính trải nghiệm của chính tác giả; Thứ tư là lấy từ ngữ trong kinh sách Phật giáo nhằm truyền tải kinh nghĩa nhà Phật. Việc các nhà nho sử dụng điển cố như trên không hẳn là để miêu tả nội hàm của khái niệm hay kể lại câu chuyện, chỉ ra gốc tích từ ngữ, mà còn để tạo “sức nén” về nội dung diễn đạt, cũng như “thi vị hóa” những từ ngữ chuyên biệt tôn giáo nhằm thể hiện tinh thần “đôn ngộ” tự tính của mỗi tác giả.

4.3.2. Sử dụng từ ngữ gần với không gian văn hóa Phật giáo

Qua khảo sát thơ văn viết về Phật giáo chúng tôi thấy, các nhà thơ thường sử dụng các trường từ vựng sau: Chỉ không gian đất Phật; Chỉ

Phật sự; Chỉ Phật lý, Phật pháp; Chỉ tên gọi tăng, Phật, chùa; Chỉ pháp khí; Chỉ nhân sinh quan Phật giáo; Chỉ thế giới quan Phật giáo; Hình ảnh thiên nhiên với tính ẩn dụ về thế giới Phật giáo. Chính từ cách sử dụng từ ngữ gắn liền với không gian văn hóa Phật giáo ấy, với âm hưởng mỹ học thiền ấy mà trong các bài thơ đã khắc họa được khá rõ hình tượng thi nhân nhà nho thiền sư được thể hiện một cách đa diện trong sự tổng hòa về con người vừa thoát tục lại vừa hòa nhập với thực tại. Đây cũng chính là điểm nhấn về giá trị nghệ thuật, góp phần đưa thơ ca vào đúng quỹ đạo nghệ thuật của chính nó - tức là thoát khỏi những ràng buộc mô phạm “thi dĩ tải đạo”, không còn buộc các nhà nho phải gò ép cảm xúc để thực hành văn chương chức năng.

Tiểu kết chương 4

Xét về hình thức thể loại: thơ văn viết về đề tài Phật giáo thời này vẫn mang đặc điểm chung của văn học trung đại (ảnh hưởng các thể loại văn học từ Trung Quốc), nhưng ít nhiều phản ánh sự ảnh hưởng, giao thoa với hình thức các thể loại văn học Phật giáo.

Xét về ngôn ngữ, lời diễn đạt, thơ có ngôn ngữ chân thật, gắn liền với những ngộ tính của các tác giả. Ở đó, ngôn ngữ thơ có lúc như lời giảng giải trực ngôn, có khi như lời tự vấn; có khi lại như tự ngôn, có lúc lại đậm chất thực nghiệm. Về văn (luận thuyết, văn bia), các tác giả sử dụng nhuần nhuyễn lời diễn đạt nghị luận như quy nạp, diễn dịch, song hành...

Và đặc biệt thơ văn về đề tài Phật giáo đều chịu ảnh hưởng của mỹ học thiền Phật. Cụ thể là sử dụng điển cố Phật giáo, hay các từ ngữ, hình ảnh gắn với không gian văn hóa Phật giáo.

KẾT LUẬN

Từ những trình bày trên, chúng tôi nhận thấy những vấn đề về thơ chữ Hán viết về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn có những điểm nổi bật sau:

Việc nghiên cứu liên quan đến đề tài vẫn chưa có một trình nghiên cứu chuyên biệt về đối tượng nghiên cứu luận án của chúng tôi. Do vậy, kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần nhìn nhận một cách sâu sắc, cụ thể hơn về thơ chữ Hán của các nhà nho viết về đề tài Phật giáo. Cụ thể:

Về số lượng tác giả, có đủ các tầng lớp nhà nho: vua, chúa, nho quan nho sinh (chưa kể các nhà nho là các tác giả khuyết danh ở một số văn bia). Bên cạnh sự phân hóa về số lượng, giai tầng tác giả, thì sự phân hóa về số lượng tác giả gắn với thể loại sáng tác cũng là điểm nhấn về diện mạo tác giả ở giai đoạn này.

Về tâm thế của các nhà nho với Phật giáo, ta thấy các nhà nho khi viết về đề tài Phật giáo có tâm thế khá là khách quan, chủ động. Cụ thể, khi tiếp nhận ngôn ngữ Phật giáo cũng như giáo lý nhà Phật, họ thường tìm đến những ý nghĩa uyên áo mà Phật giáo an dân giúp nước với những sự tốt đẹp trong điều chỉnh hành vi đạo đức, và hình thành nhân cách của con người theo tiêu chuẩn chung của thời đại.

Về tư tưởng, tinh thần của nhà nho với Phật giáo: Các nhà nho không chỉ dừng lại ở việc mộ Phật, ủng hộ việc đưa Phật giáo vào Nho giáo mà còn giải thích kinh Phật dựa trên kiến văn Nho giáo, cùng lời ứng xử dung hòa Nho - Phật.

Và một điều đáng chú ý nữa, về thái độ của các nhà nho với Phật giáo là chia thành hai khuynh hướng: thiêng hóa hoặc giải thiêng Phật giáo. Ở xu hướng thiêng hóa, các nhà nho không ngần ngại ca ngợi công đức tín thí, tặng nhân; ca ngợi sự màu nhiệm của kinh văn, Bồ Tát. Ở xu hướng giải thiêng, các nhà nho cũng rất kiên quyết phê phán những hủ lậu mà tầng chúng đã vi phạm pháp giới, vi phạm đạo đức công đồng.

Về giá trị nghệ thuật, ta thấy đóng góp lớn nhất của thơ văn chữ Hán viết về đề tài Phật giáo giai đoạn này chính là phản ánh được sự ảnh hưởng của tinh thần Phật giáo đến hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

Đối với nghệ thuật diễn đạt, các nhà đã thể hiện tinh thần khai phóng của Phật giáo. Ở các thi phẩm, ta thấy ngôn ngữ gắn liền với sự chân thật,

giản dị hết sức tự nhiên. Ở văn luận thuyết và văn bia, ta lại thấy sự linh hoạt, đa dạng.

Đối với hình thức thể loại, thơ văn chữ Hán thể hiện sự giao thoa, và tiếp biến văn học Phật giáo. Thơ là sự vận dụng các thể loại kệ pha vào các thể thơ cổ thể và cận thể. Cùng với đó, truyện ký cũng phản ánh những yếu tố Phật giáo cũng như những sự hỗn dung thể loại trong các tác phẩm.

Đối với cách sử dụng chất liệu nghệ thuật, các tác phẩm chữ Hán viết về đề tài Phật giáo phản ánh rõ sự ảnh hưởng mỹ học thiền Phật giáo. Ở đó, các tác giả đã sử dụng khá nhiều những từ ngữ, điển cố, hình tượng thoát thai từ văn hóa Phật giáo.

Tóm lại, thơ văn chữ Hán viết về đề tài Phật giáo của các nhà nho thời Lê - Nguyễn đã góp phần không nhỏ vào việc nhìn nhận rõ hơn về đội ngũ sáng tác, thái độ, tư tưởng, tinh thần của các nhà nho với Phật giáo, cũng như với hoàn cảnh xã hội đương thời. Đồng thời, mảng sáng tác này cũng đem đến một diện mạo mới về nghệ thuật diễn đạt trong thơ văn Việt Nam thời trung đại.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, BÀI BÁO
TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. **Lê Sỹ Đồng** (2019). Quan niệm nhân sinh trong Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn nhìn từ điển cố. *Hội thảo quốc tế: Những vấn đề giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay*. Tập 2. NXB ĐHQG. TP HCM. ISBN: **978-604-73-7135-8**.
2. **Lê Sỹ Đồng** (2023). Ảnh hưởng nhân sinh quan Phật giáo trong sáng tác thơ chữ Hán của các nhà nho Việt Nam thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX. *Tạp chí Đại học Sư phạm Hà Nội*. DOI: 10.18173/2354-1067.2023-0031
3. **Lê Sỹ Đồng** (2023). Cultural exchanges and Zen Buddhism in Sino poetries of Vietnamese envoys to China from the late 18th to early 19th century. *Thu Dau Mot University Journal of Science*. DOI: 10.37550/tdmu.EJS/2023.03.462
4. **Lê Sỹ Đồng** (2024). Attitudes of vietnamese confucians toward Buddhism A survey of Buddhist epitaphs in the Le and Nguyen dynasties. *Dalat University Journal of science*. [https://doi.org/10.37569/DalatUniversity.14.4.1119\(2024\)](https://doi.org/10.37569/DalatUniversity.14.4.1119(2024))